

Phụ lục VI
CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ
SÀI GÒN VRG**

Số: 2093/CV-SVI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP HCM, ngày 06 tháng 09 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên: **SIP**

- Địa chỉ: **Lô TT2-1, Đường D4, KCN Đông Nam, Xã Hòa Phú, H.Củ Chi, Thành phố HCM, VN**

- Điện thoại liên hệ: **(028) 3847 9375**

Fax: **(028) 3847 9272**

- E-mail: **info@saigonvrg.com.vn**

2. Nội dung thông tin công bố: **Nghị quyết HĐQT số 2071/NQHĐQT-SVI ngày 05 tháng 09 năm 2024 về việc thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (esop), thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ.**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/09/2024 tại đường dẫn <https://saigonvrg.com.vn/vi/thong-bao-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết HĐQT số 2071/NQHĐQT-SVI.



Lư Thanh Nhã

Số: 2071/NQHĐQT-SVI

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2024.

NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP đầu tư Sài Gòn VRG;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQĐHĐCĐ-SVI ngày 26 tháng 06 năm 2024;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 2070/BBHĐQT ngày 05/09/2024;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/NQĐHĐCĐ-SVI ngày 26/06/2024 như sau:

- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.454.463 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu đã phân phối cho người lao động: 1.454.463 cổ phiếu cho 86 người lao động (đính kèm danh sách người lao động đã được phân phối cổ phiếu).
- Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 30/08/2024): 210.533.403 cổ phiếu trong đó:
 - + Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 210.533.403 cổ phiếu;
 - + Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Điều 2. Thông qua thay đổi vốn điều lệ của công ty:

- Vốn điều lệ đã đăng ký: 2.090.789.400.000 đồng (bằng chữ: Hai nghìn không trăm chín mươi tỷ, bảy trăm tám mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn);



- Vốn điều lệ mới: 2.105.334.030.000 đồng (bằng chữ: Hai nghìn một trăm lẻ năm tỷ, ba trăm ba mươi bốn triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn);
- Thời điểm thay đổi vốn: kể từ ngày nhận được văn bản xác nhận kết quả phát hành của Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Hình thức tăng vốn: Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động như thông tin nêu tại Điều 1.

Điều 3. Thông qua sửa đổi điều lệ của Công ty:

Khoản 1 Điều 6 Điều lệ của Công ty sẽ được sửa đổi như sau:

“ Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty là 2.105.334.030.000 đồng (bằng chữ: Hai nghìn một trăm lẻ năm tỷ, ba trăm ba mươi bốn triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).
- Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 210.533.403 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông “

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng/ban, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :

- Như Điều 4;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Trần Mạnh Hùng



DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN CHỦ CHỐT
ĐƯỢC PHÁT HÀNH CÔ PHIÊU THƯỜNG THEO CHƯƠNG TRÌNH
LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG (ESOP) CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀI GÒN VRG NĂM 2024
(Được ban hành bởi nghị quyết Hội đồng quản trị số 2071/NQHĐQT-SVI ngày 05 tháng 09 năm 2024)

STT	HỌ VÀ TÊN	Số CCCD	ĐƠN VỊ/PHÒNG BAN	Tổng cổ phiếu được phân bổ	Thâm niên	Dưới 3 năm	3 năm đến dưới 6 năm	6 năm đến dưới 9 năm	9 năm đến dưới 12 năm	Trên 12 năm	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ	
					Mức áp dụng	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Số lượng phân bổ	Mức thưởng
						(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			589.263								
1	Trần Mạnh Hùng		Chủ tịch HĐQT	219.263	Mức 5	30.000	30.000	36.000	42.000	48.000	33.263	A1
2	Phạm Hồng Hải		Thành viên HĐQT không điều hành	10.000	Mức 5	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	-	
3	Nguyễn Thanh Tùng		Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	150.000	Mức 5	20.000	20.000	24.000	28.000	32.000	26.000	A2
4	Bạch Văn Nhân		Thành viên HĐQT	105.000	Mức 5	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000	6.000	A4
5	Phạm Văn Đông		Thành viên HĐQT	105.000	Mức 5	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000	6.000	A4
II	BAN KIỂM SOÁT			108.000								
6	Huỳnh Như Ngọc		Trưởng BKS	97.000	Mức 4	15.000	15.000	19.000	23.000	-	25.000	C1
7	Tăng Đông Lai		Thành viên BKS kiêm chuyên viên Phòng Tiếp thị & Dịch vụ	6.000	Mức 4	1.500	1.500	1.500	1.500	-	-	
8	Huỳnh Hữu Tín		Thành viên BKS	5.000	Mức 5	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	-	
III	BAN TỔNG GIÁM ĐỐC			542.000								
9	Lư Thanh Nhã		Tổng Giám đốc	202.000	Mức 5	28.000	28.000	33.000	38.000	44.000	31.000	B1
10	Trần Ngọc Vân		Phó Tổng Giám đốc	115.000	Mức 5	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000	16.000	B2
11	Phan Quốc Thắng		Phó Tổng Giám đốc	110.000	Mức 5	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000	11.000	B3
12	Đặng Ánh Hào		Phó Tổng Giám đốc	115.000	Mức 5	15.000	15.000	19.000	23.000	27.000	16.000	B2
IV	BAN CỐ VẤN			10.000								
13	Trần Ngọc Nhân		Cố vấn	10.000	Mức 5	1.000	1.000	2.000	2.500	3.500	-	
V	GIÁM ĐỐC/TRƯỞNG PHÒNG			36.000								
14	Nguyễn Thành Đạt		Phòng Tài chính - Kế toán	24.000	Mức 2	8.000	8.000	-	-	-	8.000	D1
15	Lữ Thanh Hiền		Phòng Phát triển Dự án	12.000	Mức 5	2.000	2.000	2.500	2.500	3.000	-	
VI	PHÓ GIÁM ĐỐC/PHÓ PHÒNG			41.500								
16	Nguyễn Anh Phú Nguyễn		BĐH KCN Phước Đông	7.000	Mức 5	700	700	900	1.000	1.200	2.500	F1
17	Võ Quang Trung		BĐH KCN Phước Đông	5.500	Mức 5	700	700	900	1.000	1.200	1.000	F4
18	Nguyễn Đức Huy		BĐH KCN Lê Minh Xuân 3	3.500	Mức 4	550	550	650	750	-	1.000	F4
19	Nguyễn Mộng Hoàng		BĐH KCN Đông Nam	3.500	Mức 5	500	500	500	500	500	1.000	F4
20	Nguyễn Thoại Việt Đức		Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành	4.500	Mức 5	600	600	700	750	850	1.000	F4
21	Trần Thị Hằng		Phòng Tài chính - Kế toán	3.500	Mức 4	600	600	600	700	-	1.000	F4
22	Đinh Thị Kim Hiếu		Văn phòng	3.500	Mức 5	400	400	500	550	650	1.000	F4
23	Nguyễn Trường Vinh Quang		Phòng Quản lý Xây dựng	3.500	Mức 5	350	350	400	400	500	1.500	F3
24	Chung Minh Tiến		Phòng Quản lý Xây dựng	4.000	Mức 4	350	350	400	400	-	2.500	F1
25	Lê Đông Hưng		Phòng Quản lý Xây dựng	3.000	Mức 5	350	350	400	400	500	1.000	F4
VII	TRỢ LÝ PHÒNG/BAN			17.900								
26	Võ Thanh Tùng		BĐH KCN Phước Đông	2.500	Mức 4	200	200	200	300	-	1.600	G2
27	Lê Quốc Tấn		BĐH KCN Phước Đông	2.500	Mức 5	200	200	200	300	600	1.000	G4



STT	HỌ VÀ TÊN	Số CCCD	ĐƠN VỊ/PHÒNG BAN	Tổng cổ phiếu được phân bổ	Thâm niên	Dưới 3 năm	3 năm đến dưới 6 năm	6 năm đến dưới 9 năm	9 năm đến dưới 12 năm	Trên 12 năm	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ	
					Mức áp dụng	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Số lượng phân bổ	Mức thưởng
28	Trần Ngọc Tuấn		BĐH KCN Đông Nam	2.200	Mức 5	180	180	220	280	340	1.000	G4
29	Nguyễn Văn Dương		BĐH KCN Đông Nam	2.200	Mức 5	180	180	220	280	340	1.000	G4
30	Huỳnh Ngọc Thạch		BĐH KCN Đông Nam	2.200	Mức 5	180	180	220	280	340	1.000	G4
31	Nguyễn Duy Quý		Phòng Quản lý Xây dựng	2.200	Mức 5	240	240	240	240	240	1.000	G4
32	Nguyễn Quang Hưng		Phòng Phát triển Dự án	2.500	Mức 5	200	200	200	400	500	1.000	G4
33	Võ Quốc Khanh		Phòng Phát triển Dự án	1.600	Mức 3	200	200	200	-	-	1.000	G4
VIII. CÁN BỘ CHỦ CHỐT KHẢ				81.700								
34	Nguyễn Minh Đoàn		Phòng Tài chính - Kế toán xây dựng	3.000	Mức 4	300	300	400	400	-	1.600	G2
35	Nguyễn Tấn Kiệt		Phòng Tài chính - Kế toán Tổng hợp	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	G4
36	Nguyễn Thị Thanh Thúy		Phòng Tài chính - Kế toán Tổng hợp	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	G4
37	Nguyễn Thị Thanh Loan		Phòng Tài chính Kế toán - Kế toán ngân hàng	2.000	Mức 5	200	200	200	200	200	1.000	G4
38	Đinh Văn Đức		Phòng Tài chính - Kế toán Tổng hợp	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	G4
39	Lê Hồng Việt		Phòng Tài chính Kế toán - Kế toán thuế, thanh toán	1.800	Mức 3	250	250	300	-	-	1.000	G4
40	Nguyễn Thị Quỳnh Như		Phòng Tài chính Kế toán - Kế toán thuế, thanh toán	1.800	Mức 3	250	250	300	-	-	1.000	G4
41	Bùi Thị Thu Hà		Văn Phòng - Bộ phận nhân sự	1.800	Mức 3	250	250	300	-	-	1.000	G4
42	Bùi Xuân Dân		Văn Phòng - Quản lý đội xe	2.000	Mức 3	300	300	400	-	-	1.000	G4
43	Thái Quốc Đức		Lái xe Văn phòng	1.700	Mức 5	120	120	140	140	180	1.000	G4
44	Lâm Văn Sơn		Lái xe Văn phòng	2.000	Mức 5	120	120	140	140	180	1.300	G3
45	Phạm Hồ Quốc An		Phòng Tiếp thị & Dịch vụ	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	G4
46	Nguyễn Thị Kim Nguyên		BĐH KCN Đông Nam - Quản lý chung	1.600	Mức 2	300	300	-	-	-	1.000	G4
47	Phạm Thế Duy Khanh		BĐH KCN Đông Nam - Quản lý tiện ích	1.600	Mức 4	150	150	150	150	-	1.000	G4
48	Nguyễn Thị Thanh Nhân		Nhà máy (NM) XLNT KCN Đông Nam	2.000	Mức 4	200	200	250	350	-	1.000	G4
49	Nguyễn Lê Khánh Hào		Nhà máy XLNT KCN Đông Nam	2.000	Mức 4	200	200	250	350	-	1.000	G4
50	Nguyễn Văn Lộc		TICC KCN Đông Nam	1.600	Mức 5	80	80	120	140	180	1.000	G4
51	Nguyễn Thị Thu Hằng		BĐH KCN Phước Đông - Quản lý chung	2.200	Mức 4	300	300	300	300	-	1.000	G4
52	Lê Xuân Huỳnh Đức		BĐH KCN Phước Đông - Quản lý chung	2.200	Mức 2	300	300	-	-	-	1.600	G2
53	Phạm Văn Thu		BĐH KCN Phước Đông - Cây xanh	1.400	Mức 5	80	80	80	80	80	1.000	G4
54	Nguyễn Hồng Ân		BĐH KCN Phước Đông - Quản lý điện	2.000	Mức 4	200	200	300	300	-	1.000	G4
55	Lê Thị Hoài An		BĐH KCN Phước Đông - Quản lý nước	1.800	Mức 3	250	250	300	-	-	1.000	G4
56	Nguyễn Hoài Bảo		TICC KCN Phước Đông - Đội phó	2.000	Mức 5	200	200	200	200	200	1.000	G4
57	Võ Thành Đô		TICC KCN Phước Đông - Đội phó	2.000	Mức 2	200	200	-	-	-	1.600	G2
58	Nguyễn Văn Vũ		TICC KCN Phước Đông - Quản lý chung	2.200	Mức 5	200	200	260	260	280	1.000	G4
59	Nguyễn Sang Anh		TICC KCN Phước Đông - tổ trưởng phụ trách chung	1.800	Mức 5	130	130	170	170	200	1.000	G4
60	Nguyễn Hồng Hải		TICC KCN Phước Đông - tổ trưởng	1.600	Mức 5	100	100	130	130	140	1.000	G4
61	Trịnh Thị Diễm Hương		Phòng Phát triển Dự án	1.600	Mức 3	200	200	200	-	-	1.000	G4
62	Nguyễn Hoàng Phương		Nhà máy XLNT KCN Phước Đông	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	G4
63	Bùi Ngọc Tuyên		Phòng Quản lý Xây dựng - Chỉ huy trưởng	2.500	Mức 3	500	500	500	-	-	1.000	G4
64	Đặng Hữu Khan		Phòng Quản lý Xây dựng	2.000	Mức 2	500	500	-	-	-	1.000	G4
65	Nguyễn Minh Tiến		Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành - Quản lý chung	2.500	Mức 4	350	350	400	400	-	1.000	G4
66	Đoàn Duy Phương		Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành - Bộ phận điện	1.600	Mức 2	300	300	-	-	-	1.000	G4
67	Huỳnh Thanh Dũng		Xí nghiệp Xây dựng & Vận hành - Bộ phận hơi	1.600	Mức 3	200	200	200	-	-	1.000	G4
68	Lê Hồng Phúc		NM Nước cấp KCN Phước Đông - Quản lý chung	2.200	Mức 5	200	200	250	250	300	1.000	G4
69	Nguyễn Văn Nhã		NM Nước cấp KCN Phước Đông - Nhân viên	1.600	Mức 3	150	200	250	-	-	1.000	G4



STT	HỌ VÀ TÊN	Số CCCD	ĐƠN VỊ/PHÒNG BAN	Tổng cổ phiếu được phân bổ	Thâm niên	Dưới 3 năm	3 năm đến dưới 6 năm	6 năm đến dưới 9 năm	9 năm đến dưới 12 năm	Trên 12 năm	Số lượng cổ phiếu phân bổ theo trách nhiệm và mức độ hoàn thành nhiệm vụ	
					Mức áp dụng	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Số lượng phân bổ	Mức thưởng
70	Võ Thị Trung Hậu		NM Nước đóng chai KCN Phước Đông	1.800	Mức 4	150	150	250	250	-	1.000	G4
71	Trương Bảo Châu		Bộ phận Điện KCN Phước Đông - Quản lý chung	2.200	Mức 5	200	200	250	250	300	1.000	G4
72	Lê Hồng Phúc		Bộ phận Điện KCN Phước Đông - Nhân viên	1.800	Mức 3	160	160	180	-	-	1.300	G3
73	Lâm Văn Tuấn		Trạm điện 110kv KCN Đông Nam - Quản lý chung	1.800	Mức 2	250	250	-	-	-	1.300	G3
74	Huỳnh Công Huy		Bộ phận Điện Lê Minh Xuân 3 - Quản lý chung	1.800	Mức 3	250	250	300	-	-	1.000	G4
75	Nguyễn Tuấn Thư		Trạm điện 110kv KCN Đông Nam - Nhân viên	1.600	Mức 3	200	200	200	-	-	1.000	G4
IX. BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY				28.100								
76	Nguyễn Hồng Quân		Tổng Giám đốc - Phú An Thành	3.000	Mức 5	400	400	400	400	400	1.000	E4
77	Đoàn Thế Huy		Phó TGD - Phú An Thành	2.200	Mức 4	250	250	350	350	-	1.000	E4
78	Vũ Thị Mỹ Lynh		Kế toán trưởng - Phú An Thành	6.000	Mức 5	250	250	350	350	400	4.400	E1
79	Lê Văn Nhu		Văn phòng - Phú An Thành	2.200	Mức 5	200	200	260	260	280	1.000	E4
80	Lê Dương Anh Tuấn		Phụ trách điều hành VRG Thanh Phước	2.200	Mức 3	400	400	400	-	-	1.000	E4
81	Nguyễn Chí Dũng		Kế toán trưởng - VRG Thanh Phước	2.200	Mức 3	250	250	350	-	-	1.350	E3
82	Nguyễn Trung Dũng		Phó TGD - Bao Bì Sài Gòn	1.500	Mức 2	250	250	-	-	-	1.000	E4
83	Vũ Văn Lũng		Phó TGD - VRG Long Thành	2.200	Mức 5	200	200	260	260	280	1.000	E4
84	Phạm Minh Tạo		Phòng Kinh doanh - VRG Long Thành	2.200	Mức 5	200	200	260	260	280	1.000	E4
85	Lê Thanh Dũng		Phòng Xây dựng - VRG Long Thành	2.200	Mức 5	200	200	260	260	280	1.000	E4
86	Hoàng Thị Diễm Châu		Kế toán trưởng - VRG Long Thành	2.200	Mức 4	250	250	350	350	-	1.000	E4
Tổng Cộng				1.454.463		203.320	203.370	236.560	270.980	280.420	259.813	

Người lập

Nguyễn Thành Đạt

Ghi chú: Tổng số lượng cổ phiếu được phân bổ của mỗi người lao động được tính bằng (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6)

Tổng Giám đốc

Lư Thanh Nhã



TM. Hội Đồng Quản Trị

Chủ tịch

Trần Mạnh Hùng

